

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: 4660/UBND-NN

V/v góp ý dự thảo ban hành tạm thời bộ tiêu chí xã, phường, thị trấn an toàn thực phẩm; dự thảo ban hành quy định tạm thời trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 26 tháng 9 năm 2017

Kính gửi:

KHẨN

- Sở Y tế;
- Sở Tư pháp;
- Sở Công Thương;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Quyết định số 3517/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đình Xứng - Trưởng ban chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh tại Hội nghị Ban chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm lần thứ 2. Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh đã xây dựng dự thảo Quyết định ban hành tạm thời bộ tiêu chí xã, phường, thị trấn an toàn thực phẩm và dự thảo Quyết định ban hành quy định tạm thời trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

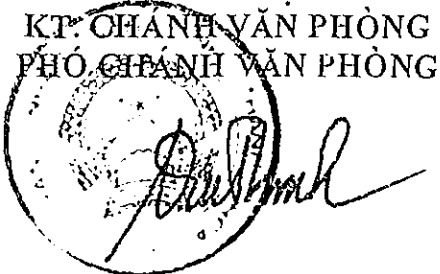
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

Yêu cầu Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Y tế, Sở Công Thương, Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nghiên cứu các dự thảo (kèm theo Công văn này), có ý kiến tham gia góp ý, gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 03/10/2017 (qua Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh), đồng thời gửi file điện tử qua địa chỉ email: sontd.vsattp@thanhhoa.gov.vn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- VPĐP về VSATTP tỉnh;
- Lưu: VT, NN. (A344)

TL. CHỦ TỊCH
KT: CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Đức Thịnh

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng 9 năm 2017

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tạm thời các tiêu chí
xã, phường, thị trấn an toàn thực phẩm tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12, ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/04/2012 về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 19/5/2016 về việc tăng cường trách nhiệm về quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Căn cứ Quyết định số 3912/2016/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3517/QĐ-UBND, ngày 14/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh tại Tờ trình số /TTr-VPĐP ngày / /2017 về việc phê duyệt ban hành Quy định tạm thời các tiêu chí xã, phường, thị trấn an toàn thực phẩm tỉnh Thanh Hóa;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này về Quy định tạm thời các tiêu chí xã, phường, thị trấn an toàn thực phẩm tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Chánh Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các Sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn và triển khai thực hiện Quyết định này.

Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở nội dung các tiêu chí xã, phường, thị trấn an toàn toàn thực phẩm tỉnh Thanh Hóa, chủ động chỉ đạo triển khai đến các phòng, ban trực thuộc, UBND các xã, phường, thị trấn và nhân dân biết, thực hiện.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền thì báo cáo, đề xuất gửi Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thành viên Ban chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh; Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- BCD LN VSATTP TW (để b/c);
- Các Bộ: Y tế, Công thương, NN & PTNT (b/c);
- TTtr Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NN.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Xứng

Dự thảo

QUY ĐỊNH TẠM THỜI
CÁC TIÊU CHÍ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN AN TOÀN THỰC PHẨM
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chí thành phần	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	2	3	4
	Nhóm tiêu chí 1: Công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý dữ liệu các cơ sở thực phẩm		
	1. Ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) trên địa bàn xã, phường, thị trấn (gọi tắt là xã) theo yêu cầu.		
	1.1. Xã có Nghị quyết và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội xác định mục tiêu, chỉ tiêu về công tác bảo đảm VSATTP; 100% các mục tiêu, chỉ tiêu hoàn thành.		
	1.2. Ban hành đầy đủ các kế hoạch, công văn hướng dẫn, chỉ đạo theo yêu cầu văn bản tương ứng của UBND huyện, thị xã, thành phố, các sở, ban, ngành về ATTP.		
	1.3. Xã có Quyết định ủy quyền cho Tổ giám sát cộng đồng được cấp giấy xác nhận nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm thực phẩm của cơ sở sản xuất nhỏ lẻ trên địa bàn thôn, bản, khu phố; theo dõi, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện các nội dung đã ký cam kết theo quy định.		
	2. Thành lập và hoạt động của Ban chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ban chỉ đạo)		
	2.1. Xã có Quyết định thành lập Ban chỉ đạo; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.		
	2.2. Ban chỉ đạo có Quy chế hoạt động; kế hoạch hoạt động hàng năm; định kỳ tổ chức họp 3 tháng/1 lần và tổ chức họp đột xuất khi cần thiết.		
	2.3. Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc chấp hành qui định của pháp luật về ATTP tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.		
	2.4. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo đảm VSATTP trên địa bàn theo quy định.		
	3. Thành lập và hoạt động của Ban Nông nghiệp/ Đơn vị đầu mối quản lý VSATTP xã		

3.1. Xã có Quyết định thành lập Ban nông nghiệp hoặc có quyết định giao đơn vị đầu mối quản lý VSATTP xã; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.		
3.2. Ban nông nghiệp/Đơn vị đầu mối quản lý VSATTP xã xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm có nội dung về công tác ATTP; định kỳ tổ chức họp tối thiểu 1 tháng/1 lần và tổ chức họp đột xuất khi cần thiết.		
3.3. Cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, sản phẩm thực phẩm mới phát sinh trong kỳ vào Sổ theo dõi (theo mẫu); định kỳ báo cáo UBND cấp huyện trước ngày 25 hàng tháng.		
4. Thành lập và hoạt động của Tổ giám sát cộng đồng tại các thôn, bản, khu phố (gọi tắt là Tổ giám sát)		
4.1. Xã có quyết định Thành lập Tổ giám sát, gồm 03 thành viên, trong đó Trưởng thôn là Tổ trưởng; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên		
4.2. Có quy chế hoạt động, kế hoạch hoạt động hàng tháng, quý, năm; định kỳ tổ chức họp tối thiểu 1 tháng/1 lần và tổ chức họp đột xuất khi cần thiết.		
4.3. Thường xuyên thống kê các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, sản phẩm thực phẩm trên địa bàn quản lý vào Sổ theo dõi (theo mẫu); Định kỳ báo cáo về Ban nông nghiệp danh sách mới phát sinh trước ngày 20 hàng tháng.		
4.4. Thực hiện việc xác nhận nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm thực phẩm sản xuất trên địa bàn theo ủy quyền của UBND xã.		
4.5. Theo dõi, giám sát các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thực hiện các nội dung đã ký cam kết bảo đảm ATTP theo ủy quyền của UBND xã.		
5. Quản lý trang thiết bị, hóa chất và kinh phí công tác ATTP.		
5.1. Có sổ sách ghi chép đầy đủ theo danh mục trang thiết bị, hóa chất được trang bị		
5.2. 100% trang thiết bị, hóa chất sử dụng đúng mục đích phục vụ công tác ATTP		
5.3. Xã có bố trí kinh phí cho công tác ATTP		
6. Triển khai các mô hình điểm ATTP và phòng chống ngộ độc thực phẩm		
6.1. 100% mô hình điểm về công tác An toàn thực phẩm được triển khai theo kế hoạch phê duyệt.		
6.2. Xã có sổ theo dõi công tác quản lý ngộ độc thực phẩm và phối hợp chặt chẽ xử lý kịp thời, khẩn trương theo quy định		
6.3. 100% các sự cố, nguy cơ mất ATTP trên địa bàn xã được xử lý, xác minh các vụ việc (nếu có).		
Nhóm tiêu chí 2. Công tác Thông tin giáo dục, truyền thông.		
7. Xã có kế hoạch, văn bản triển khai các hoạt động thông tin,		

giáo dục, truyền thông về ATTP.		
8. Đài truyền thanh xã có sổ lưu lịch, thời lượng và nội dung các bài phát thanh tuyên truyền về ATTP (01 lần/ 01tuần).		
9. Xã có tờ rơi, tờ gấp, poster, bảng khung, tranh ảnh, sách, băng rôn,... tuyên truyền về ATTP.		
10. Xã có quy chế, chương trình phối hợp thực hiện công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm với các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn.		
11. Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị có liên quan tập huấn nâng cao nhận thức, kiến thức về ATTP cho cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn		
12. Xã có văn bản phát động các phong trào thi đua phát triển sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm an toàn.		
13. Công khai các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về ATTP, kết quả xử lý vi phạm; khen thưởng, động viên các gương điển hình tiên tiến trong công tác bảo đảm VSATTP.		
Nhóm tiêu chí 3: Quản lý các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.		
14. 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện phải cấp và đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP trên địa bàn xã (thuộc lĩnh vực quản lý của cả 3 ngành Y tế, Công Thương và Nông nghiệp & PTNT)		
15. Trên 90 % các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc ngành Nông nghiệp quản lý thực hiện ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn theo quy định.		
16. Trên 90% các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ không thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật thuộc ngành Công Thương quản lý thực hiện cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm.		
17. Trên 90 % các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ sản xuất thực phẩm chức năng tự xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát nội bộ về điều kiện an toàn thực phẩm của cơ sở ít nhất 1 lần/năm.		
18. Trên 90% cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ khác quy định tại Quyết định 3912/2016/QĐ-UBND thực hiện ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm.		
Nhóm tiêu chí 4: Quản lý các cơ sở giết mổ và vệ sinh thú y.		
19. 100% các cơ sở giết mổ trên địa bàn có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.		
20. 100% các sản phẩm thực phẩm giết mổ đưa ra lưu thông trên thị trường được đóng dấu kiểm soát hoặc dán tem kiểm tra vệ sinh thú y.		
21. Xã có cơ sở giết mổ tập trung xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.		
Nhóm tiêu chí 5: Quản lý các sản phẩm thực phẩm, vật tư		

nông nghiệp trên địa bàn.		
22. Quản lý các sản phẩm thực phẩm được sản xuất trên địa bàn		
22.1. Các sản phẩm thực phẩm sản xuất theo chuỗi giá trị an toàn, chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn có đầu ra ổn định.		
22.2. 100% các sản phẩm thực phẩm của các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ trên địa bàn được xác nhận nguồn gốc, xuất xứ.		
22.3. Trên 90 % các sản phẩm thực phẩm đã qua chế biến bao gói hoàn chỉnh được sản xuất trên địa bàn thực hiện việc công bố hợp quy/phù hợp quy định ATTP trước khi đưa ra thị trường.		
23. Quản lý sản xuất, kinh doanh và sử dụng vật tư nông nghiệp		
23.1. Thực hiện giám sát việc sử dụng vật tư nông nghiệp của các hộ sản xuất thực phẩm trên địa bàn ít nhất 02 lần/năm.		
23.2. Thống kê, lập hồ sơ theo dõi các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn.		
Nhóm tiêu chí 6: Quản lý chợ, cửa hàng, quầy hàng bảo đảm An toàn thực phẩm		
24. Quản lý chợ		
24.1. Xã có Chợ được công nhận Chợ ATTP.		
24.2. Có quyết định thành lập và quy chế hoạt động của Ban quản lý chợ.		
24.3. Có Quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Tổ giám sát chợ.		
24.4. Thực hiện xét nghiệm nhanh sản phẩm thực phẩm được bày bán trong chợ.		
24.5. Xã không có chợ tư phát trên địa bàn		
25. Cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn		
25.1. Xã không có quy hoạch chợ được phê duyệt thì phải có ít nhất 01 cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn được công nhận		
25.2. 100% các sản phẩm thực phẩm kinh doanh trong cửa hàng có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.		
Nhóm tiêu chí 7: Quản lý các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.		
26. 100% các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP và các tổ chức, cá nhân tổ chức sự kiện đã thực hiện ký cam kết bảo đảm ATTP.		
27. 100% bếp ăn tập thể được công nhận bảo đảm ATTP.		
28. 100% các nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến tại bếp ăn tập thể có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.		

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: /QĐ-UBND

Dự thảo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định tạm thời trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 19/5/2016 của Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3517/2016/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh tại Tờ trình số /TTr-VPĐP ngày / /2017 về việc ban hành quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- BCĐ LN VSATTP TW (để b/c);
- T.Trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh (để b/c);
- Các bộ: Y tế, Công thương, NN & PTNT (b/c);
- Thành viên BCĐ về quản lý VSATTP tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Xứng

QUY ĐỊNH

Tạm thời trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận xã, phường, thị trấn
đạt tiêu chí an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2017 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là xã) đạt tiêu chí an toàn thực phẩm (ATTP) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các xã trên địa bàn tỉnh thực hiện xây dựng xã đạt tiêu chí ATTP.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến trình tự, thủ tục xét, công nhận và công bố xã đạt tiêu chí ATTP.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc đánh giá, xét, công nhận, công bố xã đạt tiêu chí ATTP được thực hiện 02 lần/năm; đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ và đúng trình tự, thủ tục quy định.
2. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 4. Thẩm quyền công nhận

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận xã đạt tiêu chí ATTP.

Điều 5. Cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ xét, công nhận

Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh chủ trì thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận xã đạt tiêu chí ATTP.

Điều 6. Điều kiện xét, công nhận

1. Có đăng ký xã đạt tiêu chí ATTP và được UBND huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND huyện) xác nhận.
2. Có 100% tiêu chí quy định về ATTP được đánh giá đạt.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN, CÔNG NHẬN LẠI XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 7. Đăng ký xã đạt tiêu chí ATTP

1. UBND xã gửi văn bản đăng ký thực hiện xã đạt tiêu chí ATTP (02 bản, theo mẫu số 1 kèm quy định này) về UBND huyện trước ngày 05/12 của năm liền kề trước năm đánh giá để xác nhận.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký của UBND xã; UBND huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã về kết quả xác nhận đăng ký xã đạt tiêu chí ATTP; nêu rõ lý do đối với xã không được xác nhận đăng ký.

Điều 8. Hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt tiêu chí ATTP

1. Hồ sơ của UBND xã đề nghị UBND huyện thẩm tra, gồm:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của UBND xã về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt tiêu chí ATTP (bản chính, theo mẫu số 2.1 kèm quy định này).

- Báo cáo kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP trên địa bàn (bản chính, theo mẫu số 2.2 kèm quy định này).

- Biểu tổng hợp kết quả tự đánh giá các tiêu chí ATTP của UBND xã (theo mẫu số 2.3 kèm quy định này).

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP (bản chính, theo mẫu số 2.4 kèm quy định này).

- Biên bản họp đề nghị xét, công nhận xã đạt tiêu chí ATTP (bản chính, theo mẫu số 2.5 kèm quy định này).

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

2. Hồ sơ UBND huyện đề nghị UBND tỉnh thẩm định, gồm:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của UBND huyện đề nghị thẩm định, xét công nhận xã đạt tiêu chí ATTP (bản chính, theo mẫu số 3.1 kèm quy định này).

- Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP cho từng xã đề nghị công nhận xã đạt tiêu chí ATTP (bản chính, theo mẫu số 3.2 kèm quy định này).

- Biểu tổng hợp kết quả thẩm tra các tiêu chí ATTP (theo mẫu số 3.3 kèm quy định này).

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP cho từng xã đề nghị công nhận xã đạt tiêu chí ATTP (bản chính, theo mẫu số 3.4 kèm quy định này).

- Biên bản họp đề nghị công nhận xã đạt tiêu chí ATTP (theo mẫu số 3.5 kèm quy định này).

- Kèm theo 01 bộ hồ sơ của xã theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3. Hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận, gồm:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của Văn phòng điều phối tỉnh đề nghị công nhận xã đạt tiêu chí ATTP (*Bản chính, theo mẫu số 4.1 kèm quy định này*).

- Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP của xã đề nghị công nhận (*Bản chính, theo mẫu số 4.2 kèm quy định này*).

- Biên bản họp công nhận xã đạt tiêu chí ATTP (*Bản chính, theo mẫu số 4.3 kèm quy định này*).

- Kèm theo 01 bộ hồ sơ của UBND huyện theo quy định tại Điểm a Khoản 2 điều này.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Điều 9. Trình tự, thủ tục xét, công nhận xã đạt tiêu chí ATTP

1. UBND xã tổ chức tự đánh giá:

a) Tổ chức tự đánh giá:

UBND xã thành lập Tổ đánh giá (gồm các thành viên là đại diện lãnh đạo Ban chỉ đạo vệ sinh ATTP xã, Ban Nông nghiệp xã/đơn vị được giao đầu mối quản lý vệ sinh ATTP xã và các Tổ trưởng Tổ giám sát cộng đồng) để đánh giá cụ thể thực tế theo mức độ đạt đối với từng tiêu chí; xây dựng báo cáo kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP, báo cáo UBND xã.

b) Tổ chức lấy ý kiến:

- UBND xã gửi báo cáo kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn xã.

- Chỉ đạo các thôn, bản, khu phố (gọi tắt là thôn) thực hiện công khai rộng rãi về kết quả thực hiện đánh giá các tiêu chí ATTP của xã tại nhà văn hóa thôn và trên hệ thống truyền thanh của xã trong thời gian 15 ngày; tổ chức hội nghị gồm: Chi ủy các Chi bộ, trưởng thôn, trưởng các đoàn thể ở thôn thảo luận, đóng góp ý kiến về kết quả đánh giá mức đạt các tiêu chí của xã (có biên bản hội nghị).

- Trên cơ sở các kết quả công khai, kết quả hội nghị tại các thôn và ý kiến tham gia của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn, UBND xã bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP, báo cáo Đảng ủy xã xem xét.

c) Hoàn thiện hồ sơ:

Trên cơ sở ý kiến đồng ý bằng văn bản của Đảng ủy xã, Ban chỉ đạo vệ sinh ATTP xã tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận xã đạt tiêu chí ATTP; nếu có từ 90% trở lên ý kiến của các đại biểu tại cuộc họp nhất trí thì hoàn thiện hồ sơ, lập tờ trình và gửi hồ sơ đề nghị UBND huyện thẩm tra trước ngày 30/3 và ngày 30/9 hàng năm.

2. UBND huyện tổ chức thẩm tra:

a) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng điều phối vệ sinh an toàn thực phẩm huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Văn phòng điều phối huyện).

b) Tổ chức thẩm tra:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được tờ trình và hồ sơ hợp lệ của UBND xã đề nghị thẩm tra kết quả tự đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP, Chủ tịch UBND huyện thành lập Tổ thẩm tra (gồm các thành viên là đại diện lãnh đạo Ban chỉ đạo vệ sinh ATTP, Văn phòng điều phối huyện và lãnh đạo các phòng ban, đơn vị liên quan đến các tiêu chí ATTP) để thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt đối với từng tiêu chí của từng xã; xây dựng báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP cho từng xã, báo cáo UBND huyện.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt tiêu chí ATTP của UBND xã, UBND huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã về kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể mức độ đạt đối với từng tiêu chí của từng xã; nêu rõ lý do đối với xã chưa được đề nghị công nhận.

c) Tổ chức lấy ý kiến:

UBND huyện gửi báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP cho từng xã để lấy ý kiến của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn huyện; trên cơ sở tiếp thu các ý kiến, hoàn thiện báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP cho từng xã đủ điều kiện xét, công nhận xã đạt tiêu chí ATTP.

d) Hoàn thiện hồ sơ:

Ban Chỉ đạo vệ sinh ATTP huyện tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu đề nghị công nhận xã đạt tiêu chí ATTP cho từng xã; nếu có từ 90% trở lên ý kiến của các đại biểu tại cuộc họp nhất trí thì hoàn thiện hồ sơ, lập tờ trình và gửi hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận các xã đạt tiêu chí ATTP trước ngày 25/04 và ngày 25/10 hàng năm.

3. UBND tỉnh tổ chức thẩm định, công nhận:

a) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Thanh Hóa (Văn phòng điều phối tỉnh).

b) Tổ chức thẩm định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được tờ trình và hồ sơ hợp lệ của UBND huyện, Văn phòng điều phối tỉnh tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Tổ thẩm định (gồm các thành viên là đại diện lãnh đạo Văn phòng điều phối tỉnh, lãnh đạo các Chi cục có liên quan thuộc 3 sở: Y tế, Nông nghiệp và PTNT, Công Thương) để thẩm định mức độ đạt đối với từng tiêu chí của từng xã thuộc các huyện trên địa bàn tỉnh; xây dựng báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP cho từng xã của từng huyện, báo cáo Ban chỉ đạo về quản lý vệ sinh ATTP tỉnh, UBND tỉnh.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị công nhận các xã đạt tiêu chí ATTP của UBND huyện, Văn phòng điều phối tỉnh trả lời bằng văn bản cho UBND huyện, xã về kết quả thẩm định, đánh giá cụ thể mức độ đạt đối với từng tiêu chí ATTP cho từng xã của từng huyện; nêu rõ lý do đối với xã chưa được công nhận.

c) Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh ATTP tỉnh tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu công nhận xã đạt tiêu chí ATTP; Văn phòng điều phối tỉnh hoàn thiện hồ

sơ đề nghị công nhận xã đạt tiêu chí ATTP khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

d) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận xã đạt tiêu chí ATTP trước ngày 30/6 và ngày 30/12 hàng năm (theo mẫu số 5 kèm quy định này). Thời hạn công nhận xã đạt tiêu chí ATTP là 03 (ba) năm.

Điều 10. Công bố kết quả công nhận xã đạt tiêu chí ATTP

1. UBND tỉnh công khai các xã đạt tiêu chí ATTP trên Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Thanh Hóa, Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

2. Chủ tịch UBND huyện công bố Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về công nhận xã đạt tiêu chí ATTP trên địa bàn tại hội nghị sơ kết hoặc tổng kết năm của huyện.

Điều 11. Công nhận lại xã đạt tiêu chí ATTP

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi thời hạn công nhận xã đạt tiêu chí ATTP hết hiệu lực, UBND xã phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ xét, công nhận lại xã đạt tiêu chí ATTP theo quy định.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét, công nhận lại xã đạt tiêu chí ATTP:

a) Hồ sơ xét, công nhận lại thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này, riêng trong thành phần hồ sơ của UBND xã bổ sung thêm 03 bản báo cáo tự đánh giá, duy trì các tiêu chí ATTP trong 03 năm, sau khi xã đã được công nhận.

b) Trình tự, thủ tục xét, công nhận lại xã đạt tiêu chí ATTP theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm triển khai thực hiện

1. Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh chủ trì :

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành, các địa phương và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện trình tự, thủ tục xét, công nhận xã đạt tiêu chí ATTP theo quy định này; thường xuyên đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện của các địa phương, đơn vị có liên quan, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Tổng hợp trình Chủ tịch UBND tỉnh hỗ trợ các xã đạt tiêu chí ATTP theo quy định.

c) Tổ chức thẩm định lại và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh thu hồi Quyết định công nhận xã đạt tiêu chí ATTP đối với các xã không duy trì đảm bảo các tiêu chí ATTP theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao và lĩnh vực phụ trách có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, chỉ đạo các địa phương tổ chức thực hiện Quy định này.

3. UBND các huyện, UBND các xã căn cứ quy định này và hướng dẫn của các sở, ban, ngành có liên quan có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả và đạt các tiêu chí ATTP. Đối với các xã đã được công nhận là xã đạt tiêu chí ATTP, hàng năm, có trách nhiệm duy trì đảm bảo các tiêu chí ATTP.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, địa phương có ý kiến gửi về Văn phòng điều phối tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo về quản lý vệ sinh ATTP tỉnh, UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Xứng

Mẫu số 1: Đăng ký xã đạt tiêu chí an toàn thực phẩm

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã

Số: /UBND-....

V/v đăng ký thực hiện

“Xã đạt tiêu chí an toàn thực phẩm” năm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Kính gửi: UBND huyện

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Tỉnh);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của huyện);

Tính đến tháng năm, xã có số tiêu chí an toàn thực phẩm đã đạt chuẩn theo quy định là/ (tổng số) tiêu chí, đạt 100% (đảm bảo yêu cầu so với quy định tại Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Quy định tạm thời các tiêu chí xã, phường, thị trấn an toàn thực phẩm tỉnh Thanh Hóa) và có đủ điều kiện phấn đấu xã đạt tiêu chí an toàn thực phẩm trong năm

Trên cơ sở nội dung các tiêu chí và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí an toàn thực phẩm trên địa bàn xã, Ủy ban nhân dân xã (huyện tỉnh/thành phố) đăng ký và cam kết thực hiện hoàn thành các tiêu chí an toàn thực phẩm theo quy định trong năm để được công nhận “Xã đạt tiêu chí an toàn thực phẩm” năm

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố xem xét, đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT,...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 2.1: Tờ trình đề nghị thẩm tra của UBND cấp xã

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTr-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

TỜ TRÌNH

Về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã
đạt tiêu chí an toàn thực phẩm năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Tỉnh);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của huyện);

Căn cứ kế hoạch xây dựng xã đạt tiêu chí ATTP, Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../20..... của UBND xã về kết quả thực hiện các tiêu chí ATTP trên địa bàn xã.....;

UBND xã kính trình UBND huyện thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt tiêu chí ATTP năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP trên địa bàn (*bản chính*).
2. Biểu tổng hợp kết quả tự đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP của UBND xã
3. Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội xã về kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP (*bản chính*).
4. Biên bản họp của Ban chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm xã đề nghị xét, công nhận xã đạt tiêu chí ATTP.

Kính đề nghị UBND huyện xem xét, thẩm tra./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 2.2: Báo cáo kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

Kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP năm
của xã, huyện, tỉnh Thanh Hóa

I. Khái quát quá trình chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện xây dựng xã ATTP

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Tỉnh và của địa phương.

Căn cứ văn bản chấp thuận của UBND huyện.

III. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.... của xã

2. Thuận lợi

3. Khó khăn

IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt tiêu chí ATTP theo quy định là/..... tiêu chí, đạt%, cụ thể:

1. Nhóm tiêu chí số 1:

a) Yêu cầu của từng tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện từng tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:.....

- Khối lượng thực hiện:.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt từng tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với quy định).

2. Nhóm tiêu chí số 2:

a) Yêu cầu của từng tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện từng tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:.....
- Khối lượng thực hiện:.....
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt từng tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với quy định).

7. Nhóm tiêu chí số 7:

Kết luận:

(Kèm theo biểu Phụ lục chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí ATTP)

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm
4. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

-
-
-
- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 2.3 : Biểu tổng hợp kết quả tự đánh giá các tiêu chí ATTP

BIỂU TỔNG HỢP
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ ATTP
 Xã, huyện, tỉnh Thanh Hóa
 (Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20.... của UBND xã)

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chí thành phần	Chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
	Nhóm tiêu chí 1: Công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý dữ liệu các cơ sở thực phẩm			
	1. Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kế hoạch triển khai thực hiện công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) trên địa bàn xã, phường, thị trấn (gọi tắt là xã) theo yêu cầu.			
	1.1. Xã có Nghị quyết và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội xác định mục tiêu, chỉ tiêu về công tác bảo đảm VSATTP; 100% các mục tiêu, chỉ tiêu hoàn thành.			
	1.2. 100% các văn bản đã ban hành theo yêu cầu văn bản tương ứng của UBND huyện, thị xã, thành phố, Sở Y tế, Sở Công Thương và Sở Nông nghiệp & PTNT.			
	2. Thành lập và hoạt động của Ban chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ban chỉ đạo)			
	2.1. Xã có Quyết định thành lập Ban chỉ đạo; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.			
	2.2. Ban chỉ đạo có Quy chế làm việc, kế hoạch hoạt động hàng năm; định kỳ họp 3 tháng/1 lần và họp đột xuất khi cần thiết.			
	2.3. Tham mưu cho UBND xã có Quyết định ủy quyền cho Tổ giám sát cộng đồng được cấp giấy xác nhận nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm thực phẩm của cơ sở sản xuất nhỏ lẻ trên địa bàn thôn, bản, khu phố; theo dõi, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện các nội dung đã ký cam kết theo quy định.			
	2.4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật về ATTP tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.			

2.5. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo đảm VSATTP trên địa bàn theo quy định.			
3. Thành lập Ban Nông nghiệp/ Đơn vị đầu mối quản lý VSATTP xã			
3.1. Xã có Quyết định thành lập Ban nông nghiệp hoặc có quyết định giao đơn vị đầu mối quản lý VSATTP xã; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.			
3.2. Ban nông nghiệp/Đơn vị đầu mối quản lý VSATTP xã xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm có nội dung về công tác ATTP; định kỳ họp tối thiểu 1 tháng/1 lần và họp đột xuất khi cần thiết.			
3.3. Cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, sản phẩm thực phẩm mới phát sinh trong kỳ vào Sổ theo dõi (theo mẫu); định kỳ trước ngày 25 hàng tháng báo cáo UBND cấp huyện đầy đủ thông tin.			
4. Thành lập và hoạt động của Tổ giám sát cộng đồng tại các thôn, bản, khu phố (gọi tắt là Tổ giám sát)			
4.1. Xã có quyết định Thành lập Tổ giám sát, gồm 03 thành viên, trong đó Trưởng thôn là Tổ trưởng và 02 tổ viên; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên			
4.2. Có xây dựng quy chế làm việc, kế hoạch hoạt động hàng tháng, quý, năm; định kỳ tối thiểu họp 1 tháng/1 lần và họp đột xuất khi cần thiết.			
4.3. Thường xuyên thông kê các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, sản phẩm thực phẩm trên địa bàn quản lý vào Sổ theo dõi (theo mẫu); Định kỳ trước ngày 20 hàng tháng báo cáo về Ban nông nghiệp danh sách mới phát sinh.			
4.3. Thường xuyên thông kê các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, sản phẩm thực phẩm trên địa bàn quản lý vào Sổ theo dõi (theo mẫu); Định kỳ trước ngày 20 hàng tháng báo cáo về Ban nông nghiệp danh sách mới phát sinh.			
4.4. Thực hiện việc xác nhận nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc sản xuất trên địa bàn theo ủy quyền của UBND xã.			

4.5. Theo dõi, giám sát các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thực hiện các nội dung đã ký cam kết bảo đảm ATTP theo ủy quyền của UBND xã.			
5. Quản lý trang thiết bị, hóa chất và kinh phí công tác ATTP.			
5.1. Có sổ sách ghi chép đầy đủ theo danh mục trang thiết bị, hóa chất được trang bị			
5.2. 100% trang thiết bị, hóa chất sử dụng đúng mục đích phục vụ công tác ATTP			
5.3. Xã có đầu tư kinh phí cho ATTP			
6. Triển khai các mô hình điểm ATTP và phòng chống ngộ độc thực phẩm			
6.1. 100% mô hình điểm về công tác An toàn thực phẩm được triển khai theo kế hoạch phê duyệt.			
6.2. Xã có sổ theo dõi công tác quản lý NDTP và phối hợp chặt chẽ xử lý kịp thời, khẩn trương theo quy định			
6.3. 100% các sự cố, nguy cơ mất ATTP trên địa bàn xã được xử lý, xác minh các vụ việc (nếu có).			
Nhóm tiêu chí 2. Công tác Thông tin giáo dục, truyền thông.			
7. Xã có kế hoạch, văn bản triển khai các hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông về ATTP.			
8. Đài truyền thanh Xã có sổ lưu lịch, thời lượng và nội dung các bài Phát thanh tuyên truyền về ATTP (01 lần/ 01tuần).			
9. Xã có các tài liệu truyền thông như: tờ rơi, tờ gấp, poster, bảng khung, tranh ảnh, sách, băng rôn tuyên truyền và các tài liệu khác về ATTP.			
10. Xã có quy chế, chương trình phối hợp thực hiện công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm với các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn.			
11. Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị có liên quan tập huấn nâng cao nhận thức, kiến thức về ATTP cho cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn			
12. Xã có văn bản phát động các phong trào thi đua phát triển sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm an toàn.			
13. Công khai các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về ATTP, kết quả xử lý vi			

phạm; khen thưởng, động viên các gương điển hình tiên tiến trong công tác bảo đảm VSATTP.			
Nhóm tiêu chí 3: Quản lý các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.			
14. 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện phải cấp và đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP trên địa bàn xã (thuộc lĩnh vực quản lý của cả 3 ngành Y tế, Công Thương và Nông nghiệp & PTNT).			
15. Trên 90 % các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc ngành Nông nghiệp quản lý thực hiện ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn theo quy định.			
16. Trên 90% các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ không thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật thuộc ngành Công Thương quản lý thực hiện cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm.			
17. Trên 90% cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ khác quy định tại Quyết định 3912/2016/QĐ-UBND thực hiện ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm.			
Nhóm tiêu chí 4: Quản lý các cơ sở giết mổ và vệ sinh thú y.			
18. 100% các cơ sở giết mổ trên địa bàn có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.			
19. 100% các sản phẩm thực phẩm giết mổ đưa ra lưu thông trên thị trường được đóng dấu kiểm soát hoặc dán tem kiểm tra vệ sinh thú y.			
20. Xã có xây dựng cơ sở giết mổ tập trung theo quy hoạch đã được phê duyệt			
Nhóm tiêu chí 5: Quản lý các sản phẩm thực phẩm, vật tư nông nghiệp trên địa bàn.			
21. Quản lý các sản phẩm thực phẩm được sản xuất trên địa bàn			
21.1. Các sản phẩm thực phẩm từ Chuỗi giá trị an toàn, chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn có đầu ra ổn định.			
21.2. 100% các sản phẩm thực phẩm của các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ trên địa bàn được xác nhận nguồn gốc, xuất xứ.			

21.3. Trên 90 % các sản phẩm thực phẩm đã qua chế biến bao gói hoàn chỉnh được sản xuất trên địa bàn thực hiện việc công bố hợp quy/phù hợp quy định ATTP trước khi đưa ra thị trường.			
22. Quản lý sản xuất, kinh doanh và sử dụng vật tư nông nghiệp			
22.1. Thực hiện giám sát việc sử dụng vật tư nông nghiệp của các hộ sản xuất thực phẩm trên địa bàn ít nhất 02 lần/năm.			
22.2. Thống kê, lập hồ sơ theo dõi các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn.			
Nhóm tiêu chí 6: Quản lý chợ, cửa hàng, quầy hàng bảo đảm An toàn thực phẩm			
23. Quản lý chợ			
23.1. Xã có Chợ được công nhận Chợ ATTP.			
23.2. Có quyết định thành lập và quy chế hoạt động của Ban quản lý chợ.			
23.3. Có Quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Tổ giám sát chợ.			
23.4. Định kỳ thực hiện xét nghiệm nhanh sản phẩm thực phẩm được bày bán trong chợ.			
23.5. Xã không có chợ tự phát trên địa bàn			
24. Cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn			
24.1. Xã không có quy hoạch chợ được phê duyệt thì phải có ít nhất 01 cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn được công nhận			
24.2. 100% các sản phẩm thực phẩm kinh doanh trong cửa hàng có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.			
Nhóm tiêu chí 7: Quản lý các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.			
25. 100% các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP và các tổ chức, cá nhân tổ chức sự kiện đã thực hiện ký cam kết bảo đảm ATTP.			
26. 100% bếp ăn tập thể được công nhận bảo đảm ATTP.			
27. 100% các nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến tại bếp ăn tập thể có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.			

Mẫu số 2.4: Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP
năm của xã, huyện, tỉnh Thanh Hóa

I. Tóm tắt quá trình UBND xã tổ chức lấy ý kiến tham gia

-
-

II. Kết quả thực hiện các tiêu chí ATTP của xã

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn tiêu chí ATTP theo quy
định tính đến năm là/..... tiêu chí, đạt%.

**III. Ý kiến tham gia vào kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP
trên địa bàn xã**

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận tổ quốc xã

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của các đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn xã.

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của các thôn trên địa bàn xã

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

IV. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND xã

-

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

TM. UBND XÃ

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 2.5: Biên bản cuộc họp

UBND XÃ
BCĐ VỀ SINH ATTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-BCĐ

....., ngày tháng năm 20.....

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận xã đạt tiêu chí ATTP năm

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Tỉnh);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ngày/...../..... của UBND xã về kết quả thực hiện các tiêu chí ATTP trên địa bàn xã và Báo cáo ngày/...../..... của UBND xã tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị đoàn thể trên địa bàn xã và các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm về kết quả thực hiện các tiêu chí ATTP của xã.

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... tại, UBND xã (huyện, tỉnh) tổ chức họp đề nghị xét công nhận xã đạt tiêu chí ATTP, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;

-

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

- Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu chí ATTP trên địa bàn xã.

-

- Kết quả biểu quyết: tỷ lệ các thành viên tham dự cuộc họp (.....%) nhất trí đề nghị xét công nhận xã đạt qui định tiêu chí ATTP năm

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày/...../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã lưu 01 bản; để làm hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt tiêu chí ATTP gửi UBND huyện bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 3.1: Tờ trình của UBND huyện

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTr-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thẩm định, xét công nhận xã
đạt tiêu chí ATTP năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Tỉnh);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../20..... của
UBND huyện về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí ATTP
cho xã

UBND huyện kính trình UBND tỉnh Thanh Hóa thẩm định, xét
công nhận xã đạt tiêu chí ATTP năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP
cho từng xã đề nghị công nhận xã đạt tiêu chí ATTP.

2. Biểu tổng hợp kết quả thẩm tra các tiêu chí ATTP.

3. Báo cáo tổng hợp ý kiến của các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn
huyện tham gia vào báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả đánh giá thực hiện các
tiêu chí ATTP cho từng xã đề nghị công nhận xã đạt tiêu chí ATTP.

4. Biên bản họp của Ban chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm huyện đề nghị
công nhận xã đạt tiêu chí ATTP.

5. Kèm theo 01 bộ hồ sơ của UBND xã trình UBND cấp huyện.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thẩm định và công nhận
xã..... đạt tiêu chí ATTP./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 3.2: Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí ATTP

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Thẩm tra hồ sơ và kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP
cho xã năm

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Tỉnh);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ đề nghị của UBND xã tại Tờ trình số/TT-UBND
ngày/...../..... về việc thẩm tra, xét công nhận xã đạt tiêu chí ATTP năm

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí
ATTP trên địa bàn xã, UBND huyện báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả
thực hiện các tiêu chí ATTP cho xã năm cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....):

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí ATTP

2.1. Nhóm tiêu chí số 1:

a) Yêu cầu của từng tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện từng tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt từng tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực
hiện so với quy định).

2.2. Nhóm tiêu chí số 2:

a) Yêu cầu của từng tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện từng tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng thực hiện:.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt từng tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với quy định).

2.7. Nhóm tiêu chí số 7:

Kết luận:

(Kèm theo biểu Phụ lục chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí ATTP)

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ:.....

2. Về kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí an toàn thực phẩm:.....

Tổng số nhóm tiêu chí ATTP của xã đã được UBND huyện thẩm tra đạt tiêu chí ATTP tính đến thời điểm thẩm tra là:/7 nhóm tiêu chí, đạt%.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

..... ./.

Nơi nhận:

-

-

-

- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 3.3: Biểu tổng hợp kết quả thẩm tra

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA CÁC TIÊU CHÍ ATTP

của xã, huyện, tỉnh

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20.... của UBND huyện

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chí thành phần	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
	Nhóm tiêu chí 1: Công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý dữ liệu các cơ sở thực phẩm			
	1. Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kế hoạch triển khai thực hiện công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) trên địa bàn xã, phường, thị trấn (gọi tắt là xã) theo yêu cầu.			
	1.1. Xã có Nghị quyết và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội xác định mục tiêu, chỉ tiêu về công tác bảo đảm VSATTP; 100% các mục tiêu, chỉ tiêu hoàn thành.			
	1.2. 100% các văn bản đã ban hành theo yêu cầu văn bản tương ứng của UBND huyện, thị xã, thành phố, Sở Y tế, Sở Công Thương và Sở Nông nghiệp & PTNT.			
	2. Thành lập và hoạt động của Ban chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ban chỉ đạo)			
	2.1. Xã có Quyết định thành lập Ban chỉ đạo; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.			
	2.2. Ban chỉ đạo có Quy chế làm việc, kế hoạch hoạt động hàng năm; định kỳ họp 3 tháng/1 lần và họp đột xuất khi cần thiết.			
	2.3. Tham mưu cho UBND xã có Quyết định ủy quyền cho Tổ giám sát cộng đồng được cấp giấy xác nhận nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm thực phẩm của cơ sở sản xuất nhỏ lẻ trên địa bàn thôn, bản, khu phố; theo dõi, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện các nội dung đã ký cam kết theo quy định.			
	2.4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật về ATTP tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.			
	2.5. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo đảm VSATTP trên địa bàn theo quy định.			
	3. Thành lập Ban Nông nghiệp/ Đơn vị đầu mối quản lý VSATTP xã			
	3.1. Xã có Quyết định thành lập Ban nông nghiệp			

hoặc có quyết định giao đơn vị đầu mối quản lý VSATTP xã; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.			
3.2. Ban nông nghiệp/Đơn vị đầu mối quản lý VSATTP xã xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm có nội dung về công tác ATTP; định kỳ họp tối thiểu 1 tháng/1 lần và họp đột xuất khi cần thiết.			
3.3. Cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, sản phẩm thực phẩm mới phát sinh trong kỳ vào Sổ theo dõi (theo mẫu); định kỳ trước ngày 25 hàng tháng báo cáo UBND cấp huyện đầy đủ thông tin.			
4. Thành lập và hoạt động của Tổ giám sát cộng đồng tại các thôn, bản, khu phố (gọi tắt là Tổ giám sát)			
4.1. Xã có quyết định Thành lập Tổ giám sát, gồm 03 thành viên, trong đó Trưởng thôn là Tổ trưởng và 02 tổ viên; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên			
4.2. Có xây dựng quy chế làm việc, kế hoạch hoạt động hàng tháng, quý, năm; định kỳ tối thiểu họp 1 tháng/1 lần và họp đột xuất khi cần thiết.			
4.3. Thường xuyên thông kê các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, sản phẩm thực phẩm trên địa bàn quản lý vào Sổ theo dõi (theo mẫu); Định kỳ trước ngày 20 hàng tháng báo cáo về Ban nông nghiệp danh sách mới phát sinh.			
4.3. Thường xuyên thông kê các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, sản phẩm thực phẩm trên địa bàn quản lý vào Sổ theo dõi (theo mẫu); Định kỳ trước ngày 20 hàng tháng báo cáo về Ban nông nghiệp danh sách mới phát sinh.			
4.4. Thực hiện việc xác nhận nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc sản xuất trên địa bàn theo ủy quyền của UBND xã.			
4.5. Theo dõi, giám sát các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thực hiện các nội dung đã ký cam kết bảo đảm ATTP theo ủy quyền của UBND xã.			
5. Quản lý trang thiết bị, hóa chất và kinh phí công tác ATTP.			
5.1. Có sổ sách ghi chép đầy đủ theo danh mục trang thiết bị, hóa chất được trang bị			
5.2. 100% trang thiết bị, hóa chất sử dụng đúng mục đích phục vụ công tác ATTP			
5.3. Xã có đầu tư kinh phí cho ATTP			
6. Triển khai các mô hình điểm ATTP và phòng			

chống ngộ độc thực phẩm			
6.1. 100% mô hình điểm về công tác An toàn thực phẩm được triển khai theo kế hoạch phê duyệt.			
6.2. Xã có sổ theo dõi công tác quản lý NDTP và phối hợp chặt chẽ xử lý kịp thời, khẩn trương theo quy định			
6.3. 100% các sự cố, nguy cơ mất ATTP trên địa bàn xã được xử lý, xác minh các vụ việc (nếu có).			
Nhóm tiêu chí 2. Công tác Thông tin giáo dục, truyền thông.			
7. Xã có kế hoạch, văn bản triển khai các hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông về ATTP.			
8. Đài truyền thanh Xã có sổ lưu lịch, thời lượng và nội dung các bài Phát thanh tuyên truyền về ATTP (01 lần/ 01tuần).			
9. Xã có các tài liệu truyền thông như: tờ rơi, tờ gấp, poster, băng khung, tranh ảnh, sách, băng rôn tuyên truyền và các tài liệu khác về ATTP.			
10. Xã có quy chế, chương trình phối hợp thực hiện công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm với các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn.			
11. Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị có liên quan tập huấn nâng cao nhận thức, kiến thức về ATTP cho cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn			
12. Xã có văn bản phát động các phong trào thi đua phát triển sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm an toàn.			
13. Công khai các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về ATTP, kết quả xử lý vi phạm; khen thưởng, động viên các gương điển hình tiên tiến trong công tác bảo đảm VSATTP.			
Nhóm tiêu chí 3: Quản lý các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.			
14. 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện phải cấp và đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP trên địa bàn xã (thuộc lĩnh vực quản lý của cả 3 ngành Y tế, Công Thương và Nông nghiệp & PTNT).			
15. Trên 90 % các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc ngành Nông nghiệp quản lý thực hiện ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn theo quy định.			
16. Trên 90% các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ không thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật thuộc ngành Công Thương quản lý thực hiện cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm.			
17. Trên 90% cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ			

khác quy định tại Quyết định 3912/2016/QĐ-UBND thực hiện ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm.			
Nhóm tiêu chí 4: Quản lý các cơ sở giết mổ và vệ sinh thú y.			
18. 100% các cơ sở giết mổ trên địa bàn có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.			
19. 100% các sản phẩm thực phẩm giết mổ đưa ra lưu thông trên thị trường được đóng dấu kiểm soát hoặc dán tem kiểm tra vệ sinh thú y.			
20. Xã có xây dựng cơ sở giết mổ tập trung theo quy hoạch đã được phê duyệt			
Nhóm tiêu chí 5: Quản lý các sản phẩm thực phẩm, vật tư nông nghiệp trên địa bàn.			
21. Quản lý các sản phẩm thực phẩm được sản xuất trên địa bàn			
21.1. Các sản phẩm thực phẩm từ Chuỗi giá trị an toàn, chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn có dấu ra ổn định.			
21.2. 100% các sản phẩm thực phẩm của các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ trên địa bàn được xác nhận nguồn gốc, xuất xứ.			
21.3. Trên 90 % các sản phẩm thực phẩm đã qua chế biến bao gói hoàn chỉnh được sản xuất trên địa bàn thực hiện việc công bố hợp quy/phù hợp quy định ATTP trước khi đưa ra thị trường.			
22. Quản lý sản xuất, kinh doanh và sử dụng vật tư nông nghiệp			
22.1. Thực hiện giám sát việc sử dụng vật tư nông nghiệp của các hộ sản xuất thực phẩm trên địa bàn ít nhất 02 lần/năm.			
22.2. Thống kê, lập hồ sơ theo dõi các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn.			
Nhóm tiêu chí 6: Quản lý chợ, cửa hàng, quầy hàng bảo đảm An toàn thực phẩm			
23. Quản lý chợ			
23.1. Xã có Chợ được công nhận Chợ ATTP.			
23.2. Có quyết định thành lập và quy chế hoạt động của Ban quản lý chợ.			
23.3. Có Quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Tổ giám sát chợ.			
23.4. Định kỳ thực hiện xét nghiệm nhanh sản phẩm thực phẩm được bày bán trong chợ.			
23.5. Xã không có chợ tự phát trên địa bàn			
24. Cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn			
24.1. Xã không có quy hoạch chợ được phê duyệt thì phải có ít nhất 01 cửa hàng kinh doanh thực			

phẩm an toàn được công nhận			
24.2. 100% các sản phẩm thực phẩm kinh doanh trong cửa hàng có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.			
Nhóm tiêu chí 7: Quản lý các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.			
25. 100% các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP và các tổ chức, cá nhân tổ chức sự kiện đã thực hiện ký cam kết bảo đảm ATTP.			
26. 100% bếp ăn tập thể được công nhận bảo đảm ATTP.			
27. 100% các nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến tại bếp ăn tập thể có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.			

Mẫu số 3.4: Báo cáo tổng hợp ý kiến

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia vào báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP cho xã, huyện, tỉnh Thanh Hóa

I. Tóm tắt quá trình UBND huyện tổ chức lấy ý kiến tham gia

-
-

II. Ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra các tiêu chí ATTP cho xã

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận tổ quốc huyện

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của các đoàn thể chính trị - xã hội

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của tổ chức, cá nhân khác (nếu có)

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị:

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND huyện

-
-

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 3.5: Biên bản cuộc họp

UBND HUYỆN
BCĐ VỆ SINH ATTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-BCĐ

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận xã đạt tiêu chí ATTP năm

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Tỉnh);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ngày/...../..... của UBND huyện về
thăm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí ATTP cho xã năm
và Báo cáo ngày/...../..... của UBND huyện tổng hợp ý kiến
tham gia về kết quả thăm tra các tiêu chí ATTP năm cho xã

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... tại
....., UBND huyện (tỉnh Thanh Hóa) tổ chức họp đề nghị
xét công nhận xã đạt tiêu chí ATTP, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;
-
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

- Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề
nghị xét công nhận xã đạt tiêu chí ATTP:.....

-

- Kết quả biểu quyết: tỷ lệ các thành viên tham dự cuộc họp (.....%) nhất
trí đề nghị xét công nhận xã đạt tiêu chí ATTP năm

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày/...../....., đã thông
qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND
huyện lưu 01 bản; để làm hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt tiêu chí ATTP gửi
UBND tỉnh.... bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 4.1: Tờ trình đề nghị công nhận xã đạt tiêu chí ATTP

VĂN PHÒNG
UBND TỈNH THANH HÓA
VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI
VỀ VỆ SINH ATTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-VPĐP

Thanh Hóa, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc công nhận xã huyện.....
đạt tiêu chí ATTP năm

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Tỉnh);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số/BC-ĐTĐATTP ngày/...../20..... của Đoàn Thẩm định về thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí ATTP cho xãhuyện.....;

Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh kính trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét công nhận xã huyện.....đạt tiêu chí ATTP năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

- Báo cáo của Tổ thẩm định về thẩm định hồ sơ và kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí ATTP của xãhuyện.....(*bản chính*).

- Biên bản họp Ban chỉ đạo về quản lý VSATTP tỉnh đánh giá, công nhận xã đạt tiêu chí ATTP.

- Kèm theo 01 bộ hồ sơ của UBND huyện theo quy định.

Kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét công nhận xã..... đạt tiêu chí ATTP./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: VT,

CHÁNH VĂN PHÒNG
(*Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)

Mẫu số 4.2: Báo cáo của Tổ thẩm định

UBND TỈNH THANH HÓA
TỔ THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-ĐTĐATTP

Thanh Hóa, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Thẩm định hồ sơ và kết quả đánh giá thực hiện các tiêu chí
an toàn thực phẩm của xã năm

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Tỉnh);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày/...../..... của UBND huyện
..... về việc thẩm tra, xét công nhận xã đạt tiêu chí ATTP năm

Căn cứ kết quả thẩm định thực tế mức độ đạt từng tiêu chí ATTP trên địa
bàn xã của các thành viên Đoàn thẩm định, Đoàn thẩm định kính báo cáo
kết quả thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí ATTP của xã
huyện..... năm cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Về hồ sơ:

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí an toàn thực phẩm:

2.1. Nhóm tiêu chí 1:

- Đánh giá chung việc thực hiện tiêu chí:.....

- Đề nghị khắc phục những tồn tại (nếu có):.....

- Kết luận:

2.2 Nhóm tiêu chí.....

.....

(Kèm theo kết quả thẩm định chi tiết)

3. Đánh giá chung, những mặt được, những tồn tại hạn chế.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí an toàn thực phẩm

Tổng số tiêu chí ATTP của xã đã được thẩm định đạt tiêu chí ATTP
tính đến thời điểm thẩm định là:/7 nhóm tiêu chí, đạt%.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

..... /.

Nơi nhận:

-

-

-

- Lưu: VT,

TRƯỞNG ĐOÀN

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 4.3: Biên bản cuộc họp đề nghị công nhận xã đạt tiêu chí ATTP

**UBND TỈNH THANH HÓA
BAN CHỈ ĐẠO
VỀ QUẢN LÝ VSATTP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BB-BCĐ

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

Họp đề nghị công nhận xã đạt tiêu chí ATTP năm

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Tỉnh);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ngày/...../..... của Đoàn thẩm định về
thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí ATTP cho xã năm

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... tại
....., Ban chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Thanh
Hóa tổ chức họp đề nghị xét công nhận xã đạt tiêu chí ATTP, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban chỉ đạo - Chủ trì
cuộc họp;

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;

-

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

- Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề
nghị xét công nhận xã đạt tiêu chí ATTP:.....

-

- Kết quả biểu quyết: tỷ lệ các thành viên tham dự cuộc họp (.....%) nhất
trí đề nghị xét công nhận xã đạt tiêu chí ATTP năm

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày/...../....., đã thông
qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: Văn
phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh lưu 01 bản/.

THƯ KÝ CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Quốc huy)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
CÔNG NHẬN

Xã.....huyện.....tỉnh Thanh Hóa

Đạt tiêu chí an toàn thực phẩm năm

Quyết định số: /QĐ-UBND

ngày .../.../.....

Vào sổ số:

Thanh Hóa, ngày tháng ... năm.....

CHỦ TỊCH

Ghi chú:

1. Kích thước:

- Chiều dài: 640 mm, chiều rộng: 480 mm.
- Hoa văn bên trong: chiều dài 625 mm, chiều rộng 355 mm.

2. Chất liệu và định lượng: Giấy trắng, định lượng: 150g/m².

3. Hình thức: Xung quanh trang trí hoa văn màu, chính giữa phía trên in Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1).

4. Nội dung:

- Dòng 1, 2: Quốc hiệu (2).

Khoảng trống

- Dòng 3: Thẩm quyền quyết định (3).
- Dòng 4: Công nhận ... (4).
- Dòng 5: "xã/phường/thị trấn" (5).

Khoảng trống

- Dòng 6: Tên xã/phường/thị trấn được công nhận (6).
- Dòng 7: Kết quả công nhận (7).

Khoảng trống

- Dòng 8:
 - + Bên trái: Quyết định số, ngày, tháng, năm.
 - + Bên phải: Địa danh, ngày, tháng, năm (8).
- Dòng 9:
 - + Bên trái: Số sô vàng (9).
 - + Bên phải: Thẩm quyền ký (10).

Khoảng trống (3,5 cm): chữ ký, dấu

- Dòng 10: Họ và tên người ký quyết định (11).
- Cỡ chữ trong nội dung, đơn vị tự quy định cho phù hợp, đảm bảo hình thức đẹp, trang trọng.

Số: /HD-VPDP

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2017

Dự thảo

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN
ĐỂ CÔNG NHẬN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN AN TOÀN THỰC PHẨM

TT	Nội dung tiêu chí, tiêu chí thành phần	Hướng dẫn đánh giá Nội dung : Trên cơ sở định hướng của VPDP, các ngành có liên quan sẽ hướng dẫn cụ thể	Phương pháp đánh giá
1	2	4	5
Nhóm tiêu chí 1: Công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý dữ liệu các cơ sở thực phẩm			
	1. Ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) trên địa bàn xã, phường, thị trấn (gọi tắt là xã) theo yêu cầu.		
	1.1. Xã có Nghị quyết và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội xác định mục tiêu, chỉ tiêu về công tác bảo đảm VSATTP; 100% các mục tiêu, chỉ tiêu hoàn thành.	Xem số, ký hiệu, nội dung Nghị quyết (có đầy đủ mục tiêu trong Nghị quyết và các chỉ tiêu); báo cáo kết quả thực hiện	Kiểm tra hồ sơ
	1.2. Ban hành đầy đủ các kế hoạch, công văn hướng dẫn, chỉ đạo theo yêu cầu văn bản tương ứng của UBND huyện, thị xã, thành phố, các sở, ban, ngành về ATTP.	Liệt kê số, ngày ban hành, trích yếu các văn bản (công văn hướng dẫn, chỉ đạo; kế hoạch triển khai) đã ban hành theo yêu cầu văn bản tương ứng của UBND Quận, Huyện, Thị xã, Sở Y tế, Sở Công thương và Sở NN & PTNT.	Kiểm tra hồ sơ

1.3. Xã có Quyết định ủy quyền cho Tổ giám sát cộng đồng được cấp giấy xác nhận nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm thực phẩm của cơ sở sản xuất nhỏ lẻ trên địa bàn thôn, bản, khu phố; theo dõi, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện các nội dung đã ký cam kết theo quy định.	Số, ký hiệu, ngày tháng năm, nội dung ban hành 02 Quyết định	Kiểm tra hồ sơ
2. Thành lập và hoạt động của Ban chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ban chỉ đạo)		
2.1. Xã có Quyết định thành lập Ban chỉ đạo; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.	Xem số, ký hiệu, nội dung Quyết định; bảng phân công nhiệm vụ	Kiểm tra hồ sơ
2.2. Ban chỉ đạo có Quy chế hoạt động; kế hoạch hoạt động hàng năm; định kỳ tổ chức họp 3 tháng/1 lần và tổ chức họp đột xuất khi cần thiết.	Kiểm tra số, ký hiệu, nội dung quy chế; kế hoạch hoạt động; biên bản họp	Kiểm tra hồ sơ
2.3. Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc chấp hành qui định của pháp luật về ATTP tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.	+ Chủ trì: Kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ được phê duyệt; Quyết định thành lập đoàn, biên bản kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra; Danh sách các cơ sở được kiểm tra, giám sát; Biên bản kiểm tra, giám sát '+ Phối hợp: '+ chi tiết: Giao các ngành hướng dẫn	Kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực tế
2.4. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo đảm VSATTP trên địa bàn theo quy định.	Kiểm tra các báo cáo định kỳ Công tác an toàn thực phẩm (báo cáo tháng, Quý, 6 tháng, năm), các báo cáo đột xuất (nếu có),	Kiểm tra hồ sơ
3. Thành lập và hoạt động của Ban Nông nghiệp/ Đơn vị đầu mối quản lý VSATTP xã		
3.1. Xã có Quyết định thành lập Ban nông nghiệp hoặc có quyết định giao đơn vị đầu mối quản lý VSATTP xã; phân	Xem số, ký hiệu, nội dung Quyết định; bảng phân công nhiệm vụ	Kiểm tra hồ sơ

công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.		
3.2. Ban nông nghiệp/Đơn vị đầu mối quản lý VSATTP xã xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm có nội dung về công tác ATTP; định kỳ tổ chức họp tối thiểu 1 tháng/1 lần và tổ chức họp đột xuất khi cần thiết.	Xem sổ, ký hiệu, nội dung Kế hoạch; + Biên bản hội nghị	Kiểm tra hồ sơ
3.3. Cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, sản phẩm thực phẩm mới phát sinh trong kỳ vào Sổ theo dõi (theo mẫu); định kỳ báo cáo UBND cấp huyện trước ngày 25 hàng tháng.	Sổ theo dõi được cập nhật đầy đủ các thông tin Sổ, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (với đối tượng phải cấp); ngày làm Bản ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm của hộ gia đình và cơ sở; ngày kiểm tra, cơ quan kiểm tra, kết quả thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm điều kiện bảo đảm ATTP của cơ quan chức năng; các báo cáo định kỳ	Kiểm tra hồ sơ
4. Thành lập và hoạt động của Tổ giám sát cộng đồng tại các thôn, bản, khu phố (gọi tắt là Tổ giám sát)		
4.1. Xã có quyết định Thành lập Tổ giám sát, gồm 03 thành viên, trong đó Trưởng thôn là Tổ trưởng; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên	Xem sổ, ký hiệu, nội dung Quyết định; bảng phân công nhiệm vụ	Kiểm tra hồ sơ
4.2. Có quy chế hoạt động, kế hoạch hoạt động hàng tháng, quý, năm; định kỳ tổ chức họp tối thiểu 1 tháng/1 lần và tổ chức họp đột xuất khi cần thiết.	Kiểm tra sổ, ký hiệu, nội dung quy chế; kế hoạch hoạt động; biên bản họp	Kiểm tra hồ sơ

4.3. Thường xuyên thống kê các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, sản phẩm thực phẩm trên địa bàn quản lý vào Sổ theo dõi (theo mẫu); Định kỳ báo cáo về Ban nông nghiệp danh sách mới phát sinh trước ngày 20 hàng tháng.	Sổ theo dõi được cập nhật đầy đủ các thông tin Sổ, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (với đối tượng phải cấp); ngày làm Bản ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm của hộ gia đình và cơ sở; ngày kiểm tra, cơ quan kiểm tra, kết quả thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm điều kiện bảo đảm ATTP của cơ quan chức năng; các báo cáo định kỳ	Kiểm tra hồ sơ
4.4. Thực hiện việc xác nhận nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm thực phẩm sản xuất trên địa bàn theo ủy quyền của UBND xã.	Giấy xác nhận được lưu; sổ theo dõi thống kê các sản phẩm, thực phẩm đã được cấp giấy xác nhận	Kiểm tra hồ sơ
4.5. Theo dõi, giám sát các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thực hiện các nội dung đã ký cam kết bảo đảm ATTP theo ủy quyền của UBND xã.	Kế hoạch, lịch theo dõi giám sát; kết quả	Kiểm tra hồ sơ
5. Quản lý trang thiết bị, hóa chất và kinh phí công tác ATTP.		
5.1. Có sổ sách ghi chép đầy đủ theo danh mục trang thiết bị, hóa chất được trang bị	- Sổ sách các trang thiết bị cơ bản (máy tính, thiết bị lấy mẫu, vận chuyển mẫu, các test kiểm tra nhanh...)	Kiểm tra hồ sơ kiểm tra thực tế
5.2. 100% trang thiết bị, hóa chất sử dụng đúng mục đích phục vụ công tác ATTP	- Thực tế sử dụng trang thiết bị, hóa chất đúng mục đích.	Kiểm tra hồ sơ kiểm tra thực tế
5.3. Xã có bố trí kinh phí cho công tác ATTP	Có kế hoạch và dự toán cho ATTP	Kiểm tra hồ sơ kiểm tra thực tế
6. Triển khai các mô hình điểm ATTP và phòng chống ngộ độc thực phẩm		

6.1. 100% mô hình điểm về công tác An toàn thực phẩm được triển khai theo kế hoạch phê duyệt.	Kế hoạch xây dựng mô hình điểm tại địa phương triển khai. Báo cáo và các văn bản liên quan. Tiến độ thực hiện theo chỉ tiêu kế hoạch.	Kiểm tra hồ sơ
6.2. Xã có sổ theo dõi công tác quản lý ngộ độc thực phẩm và phối hợp chặt chẽ xử lý kịp thời, khẩn trương theo quy định	+ Có sổ theo dõi công tác QLNDTP và phối hợp chặt chẽ xử lý kịp thời, khẩn trương theo quy định khi có vụ NDTP ≤ 30 người mắc. + Xử lý vụ NDTP chậm sau khi biết tin $> 24h$ hoặc có vụ NDTP ≥ 30 người mắc hoặc có tử vong do NDTP không cho điểm.	Kiểm tra hồ sơ
6.3. 100% các sự cố, nguy cơ mất ATTP trên địa bàn xã được xử lý, xác minh các vụ việc (nếu có).	Liệt kê các sự vụ trên địa bàn do thông tin đại chúng cung cấp, do yêu cầu của cơ quan chức năng hoặc tự phát hiện Các văn bản chỉ đạo, phối hợp trong xử lý sự việc Các văn bản thông báo về kết quả điều tra, xác minh, truy xuất nguồn gốc...	Kiểm tra hồ sơ
Nhóm tiêu chí 2. Công tác Thông tin giáo dục, truyền thông		
7. Xã có kế hoạch, văn bản triển khai các hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông về ATTP.	+ Sổ ký hiệu, ngày tháng, năm ban hành kế hoạch, văn bản; báo cáo kết quả thực hiện	Kiểm tra hồ sơ
8. Đài truyền thanh xã có sổ lưu lịch, thời lượng và nội dung các bài phát thanh tuyên truyền về ATTP (01 lần/ 01tuần).	Kiểm tra sổ lưu (nội dung, thời lượng, thời gian)	Kiểm tra hồ sơ

9. Xã có tờ rơi, tờ gấp, poster, bảng khung, tranh ảnh, sách, băng rôn,... tuyên truyền về ATTP.	Kiểm tra tại kho số lượng, nội dung tài liệu; hồ sơ thanh toán, biên bản giao nhận (nếu có): '- Thông kê các hình thức tuyên truyền Phát thanh, băng đĩa, Pano, áp phích, băng Zôn, khẩu hiệu, tờ rơi... '- Tự viết bài tuyên truyền về thực trạng ATTP tại địa phương. Nội dung tuyên truyền chính xác, kịp thời (01tháng/1 bài) '- Liệt kê số, ngày ban hành các văn bản (công văn, kế hoạch tổ chức lớp, tài liệu ấn phẩm phát hành...) Tổ chức truyền thông, giáo dục về ATTP cho các hội, đoàn thể, ban ngành, truyền thông cộng đồng ATTP cho người tiêu dùng...	Kiểm tra hồ sơ kiểm tra thực tế
10. Xã có quy chế, chương trình phối hợp thực hiện công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm với các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn.	Kiểm tra nội dung quy chế, chương trình; kết quả thực hiện	Kiểm tra hồ sơ
11. Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị có liên quan tập huấn nâng cao nhận thức, kiến thức về ATTP cho cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn	Kế hoạch tổ chức, kinh phí, nội dung, đối tượng do xã tổ chức; các nội dung được phối hợp có liên quan (giấy mời, công văn cử đi tập huấn). hoặc Công văn, kế hoạch tổ chức lớp tập huấn, hội nghị, buổi nói chuyện..., tài liệu ấn phẩm phát hành để chứng minh cho các việc đã triển khai	Kiểm tra hồ sơ
12. Xã có văn bản phát động các phong trào thi đua phát triển sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm an toàn.	Kiểm tra văn bản; kết quả thực hiện	Kiểm tra hồ sơ

13. Công khai các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về ATTP, kết quả xử lý vi phạm; khen thưởng, động viên các gương điển hình tiên tiến trong công tác bảo đảm VSATTP.	+ Báo cáo kết quả thanh, kiểm tra: Có vi phạm hay không; nếu có xử lý thế nào và các văn bản liên quan. + Công khai trên bài viết/báo cáo về ATTP các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố, căng tin, bếp ăn tập thể... không đảm bảo an toàn thực phẩm; không thực hiện: cấp GCN đủ điều kiện ATTP, ký cam kết bảo đảm ATTP, giấy xác nhận kiến thức ATTP và khám sức khỏe (xem các văn bản liên quan).	Kiểm tra hồ sơ
Nhóm tiêu chí 3: Quản lý các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm		
14. 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện phải cấp và đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP trên địa bàn xã (thuộc lĩnh vực quản lý của cả 3 ngành Y tế, Công Thương và Nông nghiệp & PTNT)	- Sổ/danh sách cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý (tên, địa chỉ, có/không có ĐKKD, loại hình sản xuất, kinh doanh, thuộc ngành nào quản lý...) '- Kiểm tra sổ theo dõi và thực tế tại 5-10 cơ sở	Kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực tế
15. Trên 90 % các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc ngành Nông nghiệp quản lý thực hiện ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn theo quy định.	- Sổ/danh sách cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý (tên, địa chỉ, có/không có ĐKKD, loại hình sản xuất, kinh doanh, thuộc ngành nào quản lý...) Kiểm tra sổ theo dõi và thực tế bất kỳ tại 5-10 cơ sở	Kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực tế
16. Trên 90% các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ không thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật thuộc ngành Công Thương quản lý thực hiện cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm.	- Sổ/danh sách cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý (tên, địa chỉ, có/không có ĐKKD, loại hình sản xuất, kinh doanh, thuộc ngành nào quản lý...) Kiểm tra sổ theo dõi và thực tế bất kỳ tại 5-10	Kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực tế

	cơ sở	
17. Trên 90 % các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ sản xuất thực phẩm chức năng tự xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát nội bộ về điều kiện an toàn thực phẩm của cơ sở ít nhất 1 lần/năm.	- Kế hoạch kiểm tra, giám sát nội bộ và thực tế kết quả kiểm tra - Biên bản kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền	Kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực tế
18. Trên 90% cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ khác quy định tại Quyết định 3912/2016/QĐ-UBND thực hiện ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm.	- Sổ/danh sách cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý (tên, địa chỉ, có/không có ĐKKD, loại hình sản xuất, kinh doanh, thuộc ngành nào quản lý...) Kiểm tra sổ theo dõi và thực tế bất kỳ tại 5-10 cơ sở	Kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực tế
Nhóm tiêu chí 4: Quản lý các cơ sở giết mổ và vệ sinh thú y (giao Ngành Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn)		
19. 100% các cơ sở giết mổ trên địa bàn có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.	Kiểm tra sổ theo dõi và thực tế bất kỳ tại 5-10 cơ sở	Kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực tế
20. 100% các sản phẩm thực phẩm giết mổ đưa ra lưu thông trên thị trường được đóng dấu kiểm soát hoặc dán tem kiểm tra vệ sinh thú y.	Kiểm tra sổ theo dõi và thực tế bất kỳ tại 5-10 cơ sở	Kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực tế
21. Xã có cơ sở giết mổ tập trung xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.	Có quyết định cơ sở giết mổ được cấp có thẩm quyền công nhận	Kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực tế
Nhóm tiêu chí 5: Quản lý các sản phẩm thực phẩm, vật tư nông nghiệp trên địa bàn (giao Ngành Nông nghiệp và PTNT, y tế hướng dẫn)		
22. Quản lý các sản phẩm thực phẩm được sản xuất trên địa bàn		

22.1. Các sản phẩm thực phẩm sản xuất theo chuỗi giá trị an toàn, chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn có đầu ra ổn định.	+ Có các chuỗi được cơ quan có thẩm quyền nhận. + Có các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm	Kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực tế
22.2. 100% các sản phẩm thực phẩm của các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ trên địa bàn được xác nhận nguồn gốc, xuất xứ.	+ Kiểm tra sổ lưu xác nhận nguồn gốc, xuất xứ	Kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực tế
22.3. Trên 90 % các sản phẩm thực phẩm đã qua chế biến bao gói hoàn chỉnh được sản xuất trên địa bàn thực hiện việc công bố hợp quy/phù hợp quy định ATTP trước khi đưa ra thị trường.	+ Nếu trên địa bàn không có cơ sở sản xuất sản phẩm bao gói hoàn chỉnh; thì vẫn được tính điểm.	Kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực tế
23. Quản lý sản xuất, kinh doanh và sử dụng vật tư nông nghiệp		
23.1. Thực hiện giám sát việc sử dụng vật tư nông nghiệp của các hộ sản xuất thực phẩm trên địa bàn ít nhất 02 lần/năm.	Có bản lưu các kết quả kiểm tra của các đoàn cấp trên; thống kê đầy đủ các đoàn theo từng tháng	Kiểm tra hồ sơ
23.2. Thống kê, lập hồ sơ theo dõi các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn.	+ Kiểm tra sổ lưu theo dõi và thực tế tại 5-10 cơ sở	Kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực tế
Nhóm tiêu chí 6: Quản lý chợ, cửa hàng, quầy hàng bảo đảm An toàn thực phẩm (Giao ngành Công Thương hướng dẫn)		
24. Quản lý chợ		
24.1. Xã có Chợ được công nhận Chợ ATTP.	+ Quyết định công nhận Chợ ATTP của cơ quan có thẩm quyền	Kiểm tra hồ sơ
24.2. Có quyết định thành lập và quy chế hoạt động của Ban quản lý chợ.	Xem sổ, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành quyết định; quy chế hoạt động của Ban quản lý	Kiểm tra hồ sơ
24.3. Có Quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Tổ giám sát chợ.	Xem sổ, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành quyết định; quy chế hoạt động của Tổ giám sát	Kiểm tra hồ sơ

24.4. Thực hiện xét nghiệm nhanh sản phẩm thực phẩm được bày bán trong chợ.	- Kế hoạch kiểm tra, giám sát được phê duyệt (số kế hoạch, ...) '- Báo cáo kết quả, số liệu xét nghiệm. (thể hiện tại sổ sách, báo cáo bản lưu các kết quả xét nghiệm nhanh.).	Kiểm tra hồ sơ
24.5. Xã không có chợ tự phát trên địa bàn	Kiểm tra vắng phương pháp cảm quan	Kiểm tra thực tế
25. Cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn		
25.1. Xã không có quy hoạch chợ được phê duyệt thì phải có ít nhất 01 cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn được công nhận	+ Quyết định công nhận cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn của cơ quan có thẩm quyền	Kiểm tra hồ sơ
25.2. 100% các sản phẩm thực phẩm kinh doanh trong cửa hàng có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.	+ Kiểm tra hồ sơ xuất nhập hàng (hợp đồng cung cấp) '+ Kiểm tra thực tế mặt hàng tại cửa hàng	Kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực tế
Nhóm tiêu chí 7: Quản lý các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống (giao ngành Y tế hướng dẫn).		
26. 100% các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP và các tổ chức, cá nhân tổ chức sự kiện đã thực hiện ký cam kết bảo đảm ATTP.	+ Kiểm tra sổ theo dõi và thực tế tại 5-10 cơ sở	Kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực tế
27. 100% bếp ăn tập thể được công nhận bảo đảm ATTP.	+ Kiểm tra sổ theo dõi và thực tế tại 5-10 cơ sở	Kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực tế
28. 100% các nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến tại bếp ăn tập thể có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.	+ Kiểm tra sổ theo dõi nhập hàng hóa của bếp ăn tập thể	Kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực tế